TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2018/HS-ST
Ngày 19-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn và ông Lê Phú Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 125/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trương Ngọc T, sinh năm 1989 tại tỉnh T; thường trú: T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Trương Ngọc T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; có 01 em sinh năm 1990; vợ Lê Thị H, sinh năm 1992; có 01 con, sinh năm 2002; tiền án; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2017, trả tự do ngày 08/01/2018; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Văn T, sinh năm 1983 tại tỉnh T; thường trú: Thôn 11, xã T, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Đỗ Văn C, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; có 02 chị, lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1980; vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2017, trả tự do ngày 08/01/2018; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Văn Ch, sinh năm 1987 tại tỉnh T; thường trú: Thôn 8, xã T, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Vũ Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; có 02 anh em, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1988; vợ Hoàng Thị L, sinh năm 1989; bị cáo có 03 anh em ruột; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ

từ ngày 30/12/2017, trả tự do ngày 08/01/2018; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Văn L, sinh năm 1986 tại tỉnh T; thường trú: Thôn 8, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1951 và bà Trần Thị K, sinh năm 1952; có 6 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1991 vợ Lê Thị Nhật L, sinh năm 1987; có 01 con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2017, trả tự do ngày 08/01/2018; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn L, sinh năm 1990 tại tỉnh T; thường trú: Thôn 9, xã Q, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1950 và bà Trần Thị N (đã chết); có 6 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2017, trả tự do ngày 08/01/2018; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 tại tỉnh T; thường trú: Thôn Y, xã Y, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn Kg, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; có 02 chị em ruột, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2017, trả tự do ngày 08/01/2018; bị cáo đang bị tạm giam về tội phạm khác, có mặt tại phiên tòa.

7. Lê Minh H, sinh năm 1993 tại tỉnh T; thường trú: Thôn 8, xã T, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Lê Minh B, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; có vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 1995; có 01 con, sinh năm 2017; có 06 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 30/12/2017, trả tự do ngày 08/01/2018; bị cáo đang bị tạm giam về tội phạm khác, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984; thường trú: 19/52 khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1997; thường trú: 41/10B khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 10 phút ngày 30/12/2017, Đỗ Văn Th, Nguyễn Văn L, Vũ Văn L, Lê Minh H đến quán cà phê G ở địa chỉ 19/52, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B để uống cà phê. Trong lúc ngồi uống cà phê, T nhìn thấy một bộ bài tây 52 lá để trên bàn nên rủ mọi người đánh bài cào dùa ăn tiền, mỗi ván đặt

cược 50.000 đồng. T và đồng phạm chơi đến 13 giờ 30 phút thì có Trương Ngọc T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn T đến cùng nhau tham gia đánh bạc. Đến 14 giờ cùng ngày, Công an phường A bắt quả tang tạm giữ 01 bộ bài tây và thu tiền trên chiếu bạc các bị cáo sử dụng đánh bạc là 6.400.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Khi tham gia đánh bạc, T sử dụng số tiền 1.750.000 đồng để đánh bạc, thua 1.150.000 đồng, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 600.000 đồng của T. L sử dụng số tiền 2.050.000 đồng để đánh bạc, thua 1.600.000 đồng, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 450.000 đồng của L. H sử dụng số tiền 1.550.000 đồng để đánh bạc, thắng 300.000 đồng, thu giữ tại chiếu bạc của Hải số tiền 1.850.000 đồng. T sử dụng số tiền 2.150.000 đồng để đánh bạc, thắng 1.400.000 đồng, thu giữ tại chiếu bạc của T số tiền 1.050.000 đồng, thu trong người 2.500.000 đồng. L sử dụng số tiền 550.000 đồng để đánh bạc, thắng 250.000 đồng, thu giữ tại chiếu bạc 800.000 đồng. T sử dụng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, thua 500.000 đồng. C sử dụng số tiền 350.000 đồng để đánh bạc, thắng 1.300.000 đồng, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 1.650.000 đồng của C. Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 8.900.000 đồng.

Tang vật thu giữ trong vụ án: 01 bộ bài tây, số tiền 8.900.000 đồng.

Tại cáo trạng số 142/QĐ - VKS ngày 11 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Trương Ngọc T, Đỗ Văn T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L, Lê Minh H về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo Đỗ Văn T mức án từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ; các bị cáo Trương Ngọc T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Vũ Văn L mức án từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ; Nguyễn Văn T, Lê Minh H mức án từ 03 tháng đến 05 tháng tù.

Đối với 01 bộ bài tây 52 lá các bị cáo dùng vào việc phạm tội đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 8.900.000 đồng là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội đề nghị tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với chủ quán cà phê G không biết các bị cáo vào đánh bạc ăn thua bằng tiền trong quán nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D không xử lý.

Tại phiên tòa, các bị cáo xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các

bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 30/12/2017, tại quán cà phê G ở địa chỉ 19/52, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B, các bị cáo Trương Ngọc T, Đỗ Văn T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L, Lê Minh H đã có hành vi đánh bài cào dùa ăn thua bằng tiền thì bị Công an phường A bắt quả tang. Quá trình điều tra xác định được số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 8.900.000 đồng.

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 qui định: "*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm"*. Như vậy, hành vi đánh bạc dưới hình thức bài cào dùa thắng thua bằng tiền nhằm mục đích tư lợi, sát phạt lẫn nhau của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc. Cáo trạng số 142/QĐ - VKS ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo Trương Ngọc T, Đỗ Văn T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L, Lê Minh H thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, bị cáo T là người rủ rê các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và trực tiếp tham gia đánh bạc. Các bị cáo Trương Ngọc T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L, Lê Minh H là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo là người lao động nghề nghiệp công nhân, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình.

[9] Bị cáo H và bị cáo T, được Cơ quan tiến hành tố tụng cho tại ngoại trong quá trình điều tra, truy tố nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc nên đã bị tạm giam. Do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo đủ để giáo dục, răn đe các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[10] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo T, L, C, T và L thực hiện là ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và địa phương. Do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và không làm ảnh hưởng đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[11] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng*". Tuy nhiên, Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo T, L, C, T nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Đối với bị cáo H và bị cáo T là công nhân, thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Về vật chứng:

Tại phiên tòa, các bị cáo xác định đã sử dụng 8.900.000 đồng vào việc đánh bạc, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xét 01 bộ bài tây các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[14] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trương Ngọc T, Đỗ Văn T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L, Lê Minh H phải nộp theo quy định tại khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trương Ngọc T, Đỗ Văn T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L, Lê Minh H phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc T13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn C 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Lê Minh H 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thụ hình; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/12/2017 đến ngày 08/01/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thụ hình; được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/12/2017 đến ngày 08/01/2018.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 8.900.000 (tám triệu chín trăm nghìn) đồng.

- Tịch thu tiêu hủy một bộ bài tây 52 lá.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng và biên lai thu tiền số 00784 ngày 11/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trương Ngọc T, Đỗ Văn T, Vũ Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T, Vũ Văn L, Lê Minh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (03);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- Công an thị xã Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC81CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thị Hiền